



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & PHTT VIỄN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **99** /CBTT-QTC

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 7 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Viễn thông
Mã chứng khoán: QCC
Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phan Bội Châu, Phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0235.3811811 Fax: 0235.3811999
Email: ceo.qcc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về việc chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Viễn thông.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/7/2025 tại địa chỉ website http://www.qtc.com.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/tin_tức_cổ_đồng/ Thông báo năm 2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên

*** Tài liệu đính kèm:**

- Văn bản chuyển nhượng cổ phần của VNPT tại Công ty QTC
- Thông báo giao dịch cổ phiếu của NNB và NCLQ
- Các tài liệu khác đính kèm.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN HOÀI THANH**

**TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM**

Số: **5729**/VNPT-KTTC
V/v: Chuyển nhượng cổ phần của
VNPT tại Công ty QTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **21** tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

Thực hiện Quyết định số 63/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 08/07/2025 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (Công ty QTC), VNPT thông báo tới Quý Công ty về kế hoạch chuyển nhượng cổ phần của VNPT tại Công ty QTC như sau:

1. Số lượng cổ phần chuyển nhượng: 490.000 cổ phần
2. Phương thức chuyển nhượng: Đấu giá công khai
3. Giá khởi điểm: 26.123 đồng/ cổ phần
4. Tổ chức đấu giá: CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
5. Thời gian thực hiện:
 - Thời gian làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc: Từ ngày 22/07/2025 đến 15h30 ngày 18/08/2025 (Sáng từ 8h30 – 12h00; chiều từ 13h00 – 17h30 các ngày làm việc)
 - Thời gian nộp phiếu tham dự đấu giá: Chậm nhất 16h00 ngày 20/08/2025
 - Thời gian tổ chức buổi xác định kết quả bán đấu giá: **09h00 ngày 22/08/2025**
 - Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Từ ngày 22/08/2025 đến ngày 28/08/2025

Ngoài ra, VNPT đề nghị Quý Công ty đăng tin trên Website của Quý Công ty về thông tin chuyển nhượng cổ phần của VNPT tại Công ty QTC theo Danh mục tài liệu nêu tại Phụ lục số I được đính kèm Văn bản này.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT;
- Các Thành viên HĐQT;
- Các PTGD Tập đoàn;
- Ban Kiểm soát VNPT;
- Các Ban: KSNB; TCCL; KHĐT;
- Lưu: VT, HĐTV, KTTC.LHN

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Danh

Số eOffice: **415373** - VBG

**PHỤ LỤC SỐ I: DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ VIỆC
CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN CÔNG TY QTC DO VNPT SỞ HỮU**
(Đính kèm Công văn số ~~5729~~ **5729**/VNPT-KTTC ngày ~~21~~ **21**/07/2025 của VNPT)

STT	Tên tài liệu
1	Quyết định số 63/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 08/07/2025 của Hội đồng thành viên VNPT phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (gửi kèm Công văn số .../VNPT-KTTC ngày .../07/2025 của VNPT)
2	Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (gửi kèm Công văn số .../VNPT-KTTC ngày .../07/2025 của VNPT)
3	Thông báo chào bán đấu giá cổ phần Công ty QTC (gửi kèm Công văn số .../VNPT-KTTC ngày .../07/2025 của VNPT)
4	Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 10/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đến hết năm 2025
5	Văn bản số 1944/UBQLV-CNHT ngày 28/8/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp về việc thoái vốn tại 24 doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn đã được phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-TTg (gửi kèm Công văn số .../VNPT-KTTC ngày .../07/2025 của VNPT)
6	Bản công bố thông tin đấu giá (gửi kèm Công văn số .../VNPT-KTTC ngày .../07/2025 của VNPT)
7	Giấy xác nhận số lượng cổ phần của Công ty QTC do VNPT sở hữu số 82/CV-QTC ngày 03/6/2025;
8	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Công ty QTC
9	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty QTC
10	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (gửi kèm Công văn số .../VNPT-KTTC ngày .../07/2025 của VNPT)
11	Điều lệ của Công ty QTC



Số: 464/TB-VNPT-KTTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

1. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên Tên tổ chức: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100684378 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17/08/2010 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/7/2021
- Địa chỉ trụ sở chính: Toàn nhà VNPT, Số 57 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3774 1091 Fax: (84-24) 3774 1093
- Email: ... Website: www.vnpt.com.vn.
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng: Tổ chức có liên quan đến người nội bộ

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng:

- Họ và tên người nội bộ: Lê Tấn Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Thẻ căn cước: 048067002410
- Địa chỉ thường trú: số nhà 102, Trung Lương 15, phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng
- Điện thoại liên hệ: 0911627686 Fax: Email: tanlong.qnm@VNPT.VN.
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mối quan hệ giữa tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ: Người nội bộ là người đại diện vốn của VNPT tại QCC
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

3. Mã chứng khoán giao dịch: QCC
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3: Không có
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 490.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,67% vốn điều lệ
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký bán:
 - Loại giao dịch đăng ký: Bán
 - Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 490.000 cổ phần
7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá). 4.900.000.000 đồng
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 0 cổ phiếu
9. Mục đích thực hiện giao dịch: Thu hồi vốn đầu tư
10. Phương thức giao: Bán đấu giá công khai
11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày 30/7/2025 đến ngày 28/8/2025

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT,

415373

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Danh

CÓ PHẦN CHÀO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN CÓ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG NÊN KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐỒNG. VNPT KHUYẾN CÁO NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC QUY CHẾ ĐẦU GIÁ, BÁN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHÀO BÁN.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp bởi:

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG



TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VNPT)

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT

Số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội

Website: www.vnpt.com.vn

Điện thoại: (84-24) 3774 1091

Fax: (84-24) 3774 1093

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội

Số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84-24) 3818 1888

Fax: (84-24) 3818 1688

MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN..	4
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	4
2. Tổ chức tư vấn	4
3. Tổ chức có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	4
II. CÁC KHÁI NIỆM	5
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	6
1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2. Mối quan hệ với QCC.....	7
3. Số cổ phần sở hữu	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QCC.....	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
2. Cơ cấu tổ chức công ty	11
3. Danh sách công ty mẹ, công ty con của QCC, những công ty mà QCC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với QCC ...	13
4. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 13/05/2025.....	13
5. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp chính	14
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	15
7. Tình hình công nợ.....	16
8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	17
9. Tình hình tài sản.....	18
10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025.....	20
11. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	21
12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn	21
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	21
1. Loại cổ phần	21
2. Mệnh giá.....	21
3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng	21
4. Giá khởi điểm đấu giá	21
5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm.....	21
6. Phương thức chuyển nhượng vốn	21
7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá	22
8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn	22
9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến.....	22

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	22
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn	22
12. Các loại thuế có liên quan:	22
13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn: 22	
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	23
VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	23
1. Tổ chức tư vấn và tổ chức bán đầu giá cổ phần.....	23
2. Tổ chức thẩm định giá.....	23
3. Tổ chức kiểm toán	24
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	24
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG, TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN CỦA VNPT VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	25

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Ông Tô Dũng Thái

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam cung cấp trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Ông Nguyễn Chí Thành

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần trong hồ sơ chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam.

Bản công bố thông tin này được Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội soạn thảo dựa trên các thông tin, số liệu và tài liệu do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông cung cấp. Các thông tin và số liệu về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông xác nhận.

Bản công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 31/03/2025, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm ký ban hành Bản công bố thông tin. Các sự kiện xảy ra sau các mốc thời gian này chưa được xem xét và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản công bố thông tin đối với các sự kiện này.

Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

3. Tổ chức có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Ông: Trần Hoài Thanh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung về các cam kết chưa thực hiện, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

II. CÁC KHÁI NIỆM

1. Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

- Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
- Tổ chức/Công ty có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng/doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông
- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông thông qua
- Vốn điều lệ: Là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau

BCTC:	Báo cáo tài chính
ĐHĐCĐ:	Đại hội Đồng cổ đông
GCN ĐKDN:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐQT:	Hội đồng quản trị
LNTT:	Lợi nhuận trước thuế
LNST:	Lợi nhuận sau thuế
Công ty/QTC/QCC:	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông
VNPT:	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
VĐL:	Vốn điều lệ

VNĐ:	Đồng Việt Nam
KCN:	Khu công nghiệp
NLĐ:	Người lao động
CNTT:	Công nghệ thông tin

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:

Tên Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:	TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
Tên giao dịch:	VNPT
Trụ sở chính:	Toà nhà VNPT, Số 57 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 3774 1091
Fax:	(84-24) 3774 1093
Website:	www.vnpt.com.vn
Logo:	
GCN ĐKDN:	Số 0100684378 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17/08/2010 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/6/2025
Vốn điều lệ:	72.237.000.000.000 đồng (Bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy tỷ đồng).
Ngành nghề kinh doanh chính:	Hoạt động viễn thông có dây

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

VNPT hiện là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông hàng đầu tại Việt Nam. Với những đóng góp và thành tựu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa Xã hội và Bảo vệ Tổ quốc, VNPT đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ 1999 - 2009 vào ngày 22/12/2009.

Kể thừa 70 năm xây dựng, phát triển và gắn bó trên thị trường viễn thông Việt Nam, VNPT vừa là nhà cung cấp dịch vụ đầu tiên đặt nền móng cho sự phát triển của ngành Bưu chính, Viễn thông Việt Nam, vừa là tập đoàn có vai trò chủ chốt trong việc đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10

quốc gia có tốc độ phát triển Bưu chính Viễn thông nhanh nhất toàn cầu.

Tháng 1/2006, VNPT chính thức trở thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thay thế cho mô hình Tổng công ty cũ theo quyết định số 06/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với chiến lược phát triển theo mô hình tập đoàn kinh tế chủ lực của Việt Nam, kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực, đa sở hữu, trong đó Bưu chính - Viễn thông - CNTT là nòng cốt.

Ngày 24/6/2010, Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 955/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100684378 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần 7 ngày 27 tháng 06 năm 2025.

Ngày 06/04/2016, Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Nghị định số 25/2016/NĐ-CP.

Tháng 4/2018, với mục tiêu chiến lược là trở thành nhà cung cấp dịch vụ số (Digital Services) hàng đầu tại Việt Nam và Trung tâm giao dịch số (Digital Hub) tại khu vực, Tập đoàn VNPT đã chính thức thành lập Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT-IT). Đây là trụ cột thứ 5 của VNPT bên cạnh các chủ lực đã được khẳng định: VNPT-Net (Hạ tầng), VNPT-Media (Dịch vụ GTGT và truyền thông), VNPT-Vinaphone (Kinh doanh), VNPT-Technology (Sản xuất thiết bị).

2. Mối quan hệ với QCC

VNPT là cổ đông lớn, sở hữu 490.000 cổ phần, tương đương 32,67% vốn điều lệ hiện tại của QCC.

3. Số cổ phần sở hữu

Số cổ phần thuộc sở hữu của VNPT tại QCC là 490.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 32,67% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QCC

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG
- Tên tiếng Anh: Construction Investment And Telecommunications Infrastructure Development Joint Stock Company
- Tên Công ty viết tắt: QTC
- Mã Chứng khoán: QCC
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoài Thanh – Tổng Giám đốc
- Trụ sở chính: Đường Phan Bội Châu, Phường Bàn Thạnh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Nam

- Điện thoại: 0235.3811 811 Fax: 0235.3811 999
- Vốn điều lệ đăng ký: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- Vốn thực góp: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng/cổ phần
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4000364082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 25/01/2002, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 21/04/2016
- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình, Mã ngành: 4290
- Website www.qtc.vn

1.2. Ngành nghề kinh doanh:

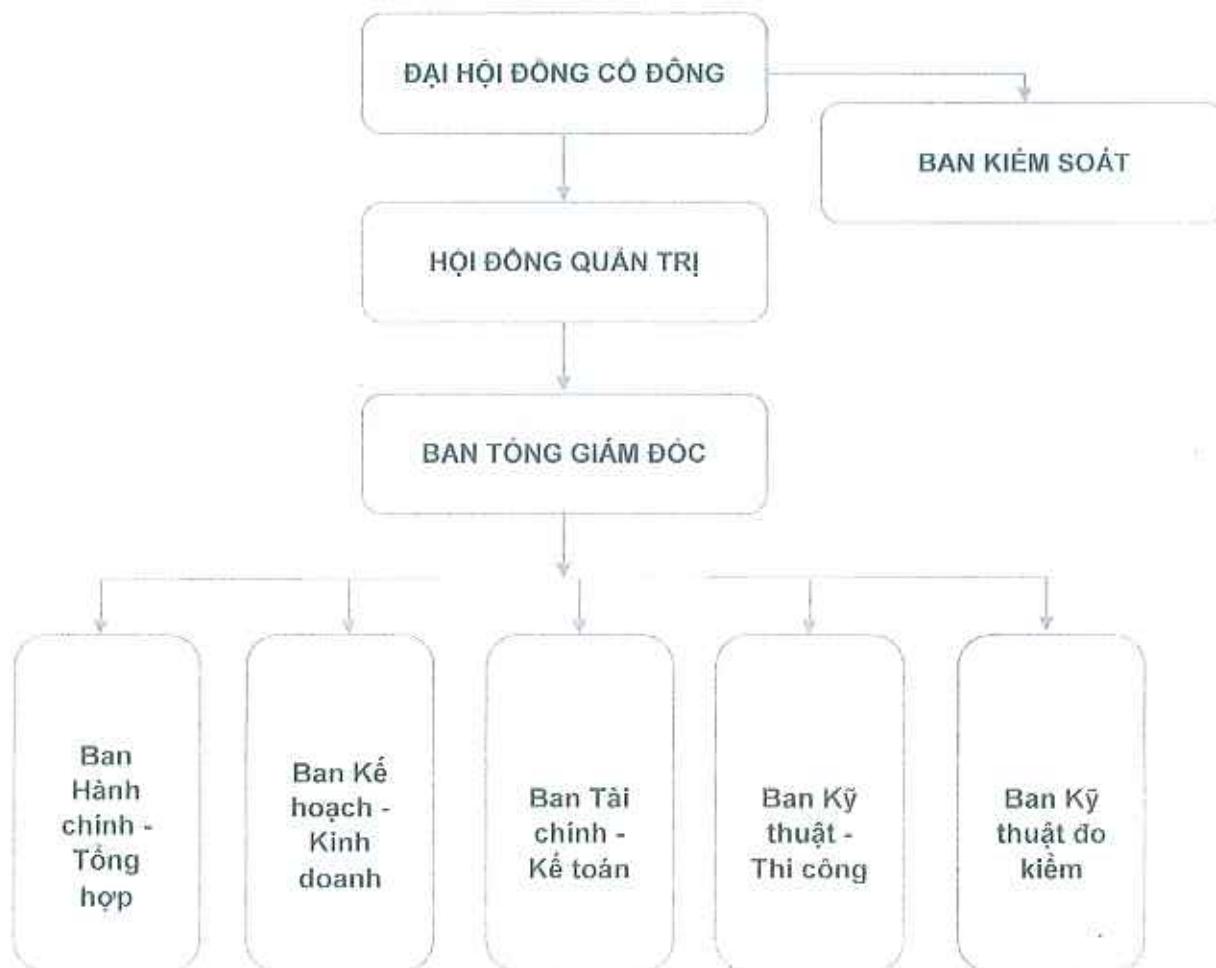
Tên ngành	Mã ngành
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV, hệ thống cấp điện cho các công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng. Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát địa chất công trình: hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi; Khảo sát địa chất công trình; Giám sát, khảo sát xây dựng; Thiết kế trang trí nội ngoại thất công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế công trình đường bộ, công trình xây dựng cầu, hầm, thủy lợi, nhà, chữa cháy công trình xây dựng; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng công trình khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn; Tư vấn giám sát thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu, đường bộ, công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông; Cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ mạng thông tin - BCVT; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Giám sát khảo sát địa hình công trình xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn	7110
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng internet.	6209
- Sản xuất linh kiện điện tử.	2610
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

Tên ngành	Mã ngành
- Bưu chính	5310
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học	7730
- Công thông tin	6312
- Hoạt động viễn thông có dây	6110
- Hoạt động viễn thông không dây	6120
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông.	6190
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất.	6810
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình	4290 (Chính)
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học	7020
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh và các thiết bị tin học	3319
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh	4659
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn	5510
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông	2395
- Sản xuất phần mềm	5820
- Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện
Năm 2002:	Ngày 25/01/2002, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (QTC) được thành lập
Năm 2010:	Ngày 06/10/2010, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội (HNX) theo Thông báo số 906/TB-SGDHN ngày 29/09/2010.
Năm 2014:	Ngày 29/04/2014, Sở GDCK Hà Nội có Quyết định số 212/QĐ-SGDHN về việc hủy niêm yết cổ phiếu QCC do Tổ chức kiểm toán có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, thuộc diện hủy niêm yết theo qui định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012. Ngày 26/05/2014, cổ phiếu QCC chính thức hủy niêm yết trên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội. Ngày 30/5/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo Quyết định số 286/QĐ-SGDHN. Ngày 06/6/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Upcom thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo Thông báo số 487/TB-SGDHN ngày 30/5/2014.
Năm 2016:	Ngày 21/4/2016 đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam thành tên Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.
❖ Các mốc sự kiện khác: Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (QTC) có những bước phát triển sáng tạo, đột phá, đóng góp lớn trong việc cung cấp các dịch vụ cho các mạng lưới viễn thông và các ngành nghề khác. Công ty QTC đã được UBND tỉnh Quảng Nam, Tập đoàn VNPT tặng nhiều danh hiệu: Cờ thi đua của Tập đoàn VNPT (2003, 2005, 2016, 2017, 2018, 2019, 2022, 2023); Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Nam (2004); Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Nam (2002, 2003, 2008, 2009, 2014); Bằng khen của Tập đoàn VNPT (2004, 2006, 2007, 2015); Bằng khen của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2017-2018.	

2. Cơ cấu tổ chức công ty



a) Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ có quyền thông qua chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b) Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

c) Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- d) **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc của Công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty
- ❖ **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc điều hành Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giám đốc điều hành Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - ❖ **Phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành, điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc điều hành. Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- e) **Các ban chức năng:** Do Hội đồng quản trị thành lập trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc điều hành, các Ban chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Ban, đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty:
- ❖ **Ban Hành chính - Tổng hợp:** Là Ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành các công tác: Tổ chức nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, tiền lương và chế độ chính sách đối với người lao động, công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, quản trị hành chính, văn thư lưu trữ, quản lý con dấu và bảo vệ an ninh nội bộ trong Công ty; quản lý chất lượng ISO; thường xuyên cập nhật thông tin trên web của Công ty.
 - ❖ **Ban Kế hoạch - Kinh doanh:** Ban nghiệp vụ có chức năng nghiên cứu, tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành Công ty trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; theo dõi nắm tình hình, dự báo tình hình kinh tế, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện nghiệp vụ thống kê, kế hoạch của Công ty; tham gia dự án đầu tư phát triển theo mục tiêu phát triển của Công ty; theo dõi diễn biến tình hình, dự báo tình hình kinh tế, tình hình sản xuất kinh doanh; thực hiện nghiệp vụ thống kê, kế hoạch của Công ty; tham gia dự án đầu tư phát triển theo mục tiêu phát triển của Công ty; nghiên cứu thị trường, thực hiện công tác nhập xuất vật tư, hàng hóa, thiết bị; lập dự toán và thanh quyết toán các công trình, kinh doanh dịch vụ khác; quan hệ với các đối tác, khách hàng để giải quyết công việc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
 - ❖ **Ban Tài chính - Kế toán:** Là Ban nghiệp vụ có chức năng nghiên cứu, tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty để triển khai tổ chức, thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán và hạch toán kinh tế ở toàn Công ty; tham gia công tác thanh quyết toán các công trình, dịch vụ theo đăng ký kinh doanh, đồng thời kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế tài chính của Công ty theo điều lệ kế toán hiện hành của Bộ Tài chính và pháp luật Nhà nước; quan hệ với các đối tác, khách hàng để giải quyết công việc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
 - ❖ **Ban Kỹ thuật - Đo kiểm:** Là Ban nghiệp vụ có chức năng nghiên cứu, tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty để triển khai thực hiện các công trình có hàm lượng kỹ thuật cao như chuyển mạch, cáp quang và phụ trách công tác đo kiểm các thiết bị

viễn thông; Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc về: khoa học công nghệ, kỹ thuật thi công công trình, dịch vụ, chất lượng sản phẩm công trình, đánh giá chất lượng vật tư, thiết bị, phòng chống bão lụt, sáng kiến cải tiến, quản lý thiết bị thi công, quy trình quy phạm kỹ thuật của ngành của Nhà nước liên quan đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty, phương án an toàn lao động trong quá trình thi công.

- ❖ Ban Kỹ thuật – Thi công: Là Ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty để triển khai thực hiện các công trình do Tổng Giám đốc giao như truyền dẫn, trạm BTS, cống bể; Lập phương án thi công các công trình, kiểm tra, xác nhận, báo cáo khối lượng thi công, tổ chức nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành hoặc toàn bộ công trình hoàn thành và bàn giao các công trình đã hoàn thành cho chủ đầu tư; Lập hồ sơ hoàn công, phối hợp với các Ban chức năng có liên quan trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình; Tổ chức triển khai, giám sát thi công, nghiệm thu, hoàn công, quản lý, theo dõi các tổ, đội thi công, xây lắp, theo dõi khối lượng, tiến độ thi công và các thủ tục pháp lý cần thiết khác phục vụ cho quá trình thi công
3. **Danh sách công ty mẹ, công ty con của QCC, những công ty mà QCC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với QCC**
- ❖ Công ty mẹ: Không có
 - ❖ Công ty con: Không có
 - ❖ Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có
4. **Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 13/05/2025**

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 13/05/2025

Stt	Danh mục	Số cổ lượng đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	149	1.318.200	87,88%
1	Cổ đông Tổ chức	4	520.000	34,67%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	2	508.000	33,87%
2	Cổ đông Cá nhân	145	798.200	53,21%
II	Cổ đông nước ngoài	4	11.500	0,77%
1	Cổ đông Tổ chức	-	-	-
2	Cổ đông Cá nhân	4	11.500	0,77%
III	Cổ phiếu quỹ	-	170.300	11,35%
	Tổng cộng	153	1.500.000	100,0%

Nguồn: QCC

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 13/05/2025:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CCCD/ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội	0100684378	490.000	32,67%

Nguồn: QCC

5. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp chính

Thi công các công trình xây lắp bưu chính – viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình chiếm tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận cao. Kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất.

Cơ cấu Doanh thu thuần của QCC

Đơn vị: VND

Stt	Hoạt động	Năm 2023	%/DTT	Năm 2024	%/DTT
1	Bán hàng hóa	0	0,00%	4.269.710.000	15,63%
2	Cung cấp dịch vụ	1.379.228.323	2,39%	763.987.808	2,80%
3	Hợp đồng xây dựng	56.347.754.441	97,61%	22.285.599.972	81,57%
	Tổng cộng	57.726.982.764	100,00%	27.319.297.780	100,00%

(Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của QCC)

Cơ cấu Lợi nhuận gộp của QCC

Đơn vị: VND

Stt	Hoạt động	Năm 2023	%/DTT	Năm 2024	%/DTT
1	Bán hàng hóa	0	0,00%	85.710.000	0,31%
2	Cung cấp dịch vụ	453.045.422	0,78%	331.118.090	1,21%
3	Hợp đồng xây dựng	5.727.576.501	9,92%	3.452.607.688	12,64%
	Tổng cộng	6.180.621.923	10,71%	3.869.435.778	14,16%

(Nguồn: Tính toán trên BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của QCC)

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Đơn vị: VND

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	32.157.638.790	26.842.481.932	-16,53%
2	Doanh thu thuần	57.726.982.764	27.319.297.780	-52,67%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	2.630.769.429	1.098.666.873	-58,24%
4	Lợi nhuận khác	(243.947.785)	(31.149.541)	-87,23%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.386.821.644	1.067.517.332	-55,27%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.578.349.167	847.340.597	-46,31%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	84,25%	78,46%	-5,79%

(Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của QCC, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, 2025 của QCC)

Năm 2024, Công ty tiếp tục giữ vững mối quan hệ với khách hàng chiến lược, phát triển khách hàng mới, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tập trung chú trọng công tác tham gia đấu thầu các gói thầu xây lắp đồng thời chuyển đổi sang lĩnh vực CNTT và PTTH. Trong năm đã thực hiện tham gia đấu thầu các gói thầu xây lắp của các đơn vị: Mobifone, VNPT Net, Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi, Tổng Công ty mạng lưới Viettel, Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, ...

➤ Ý kiến của tổ chức kiểm toán (Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam) đối với BCTC năm 2024 của QCC

"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định hiện hành. Theo đó, số dự phòng trích lập tối thiểu so với quy định là 1.096.538.614 VND. Trong đó, số dự phòng trích lập thiếu từ năm 2023 trở về trước là 1.096.538.614 VND.

Nếu hạch toán đầy đủ chi phí nêu trên theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán: khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên 1.096.538.614 VND, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" sẽ giảm đi 1.096.538.614 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn: Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

➤ Ý kiến của QCC đối với Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

"Đây là các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán cần được trích lập dự phòng theo

đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên, hiện nay công ty chúng tôi cũng đã và đang tiếp tục thực hiện nhiều biện pháp tích cực để thu hồi các khoản công nợ này. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đang tiến hành xử lý dần các công nợ không có khả năng thu hồi. Do đó, Công ty chúng tôi tạm thời chưa trích lập dự phòng các khoản công nợ này."

7. Tình hình công nợ

➤ Công nợ phải thu

Đơn vị: VND

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
I	Phải thu ngắn hạn	23.557.138.894	13.146.755.840
1	Phải thu của khách hàng	22.152.841.721	11.835.620.849
2	Trả trước cho người bán	82.994.140	87.277.000
3	Phải thu khác	1.054.567.380	957.122.338
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	266.735.653	266.735.653
II	Phải thu dài hạn	-	-
Tổng cộng		23.557.138.894	13.146.755.840

(Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của QCC)

➤ Công nợ phải trả

Đơn vị: VND

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ ngắn hạn	10.511.438.011	5.927.289.723
1	Phải trả người bán	4.351.609.253	1.992.429.622
2	Người mua trả tiền trước	-	1.341.254.400
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.338.826.651	584.050.659
4	Phải trả người lao động	640.368.337	128.214.092
5	Doanh thu chưa thực hiện	8.300.000	26.602.174
6	Phải trả khác	4.171.897.069	1.842.130.366
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	436.701	12.608.410
II	Nợ dài hạn	-	-

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
	Tổng nợ	10.511.438.011	5.927.289.723

(Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của QCC)

8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,94	4,34
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,70	3,74
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,69	22,08
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	48,56	28,34
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	9,06	7,76
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,64	0,93
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,73	3,10
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,33	3,98
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,48	2,87
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,56	4,02
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	11,78	6,33
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP) (Mệnh giá: 10.000đ/CP)	đồng/cp	1.000	605

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	10%	5%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, 2025 và tính toán dựa trên BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán của QCC

9. Tình hình tài sản

➤ Tài sản cố định của QCC tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: VND

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	7.576.268.291	750.449.750	9,91%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.276.654.040	0	0,00%
2	Máy móc, thiết bị	657.136.879	0	0,00%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.515.613.713	750.449.750	16,62%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	126.863.659	0	0,00%
II	Bất động sản đầu tư	901.710.949	337.891.896	37,47%
1	Cơ sở hạ tầng	901.710.949	337.891.896	37,47%

(Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của QCC)

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm: 5.855.211.953 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cuối năm dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 0 đồng.
- Không có tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại thời điểm cuối năm.
- Không có bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm;
- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại thời điểm cuối năm là 221.300.935 VND;
- Bất động sản đầu tư bao gồm năm trạm BTS.

➤ Tình hình sử dụng đất đai của QCC

Stt	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Hồ sơ pháp lý
1	Lô đất tại Quốc lộ 1A, đường	2.564,4	Trụ sở làm việc, nhà	Xây dựng trụ sở làm	Thuê đất trả tiền	20 năm từ 2023	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Stt	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Hồ sơ pháp lý
	Phan Bội Châu, Phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng (trước là Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam)		xưởng sản xuất, tường rào, cổng ngõ, sân nền	việc, nhà xưởng sản xuất, tường rào, cổng ngõ, sân nền	hàng năm	đến 2043	số AB 306407 cấp ngày 24/12/2004, Hợp đồng thuê đất số 21/HĐTĐ ngày 22/5/2023
2	Lô đất A7 - 63 thuộc Khu dân cư Sơn Xuyên, Phường Điện Bàn, Thành phố Đà Nẵng (trước là Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam)	174,0	-	Đất ở đô thị	Sử dụng riêng, Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài	Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3011/2022/HĐCN/QTC ngày 30/11/2022
3	Lô đất A7 - 65 thuộc Khu dân cư Sơn Xuyên, Phường Điện Bàn, Thành phố Đà Nẵng	174,0	-	Đất ở đô thị	Sử dụng riêng, Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài	Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam
4	Lô đất A7 - 66 thuộc Khu dân cư Sơn Xuyên, Phường Điện Bàn, Thành phố Đà Nẵng	174,0	-	Đất ở đô thị	Sử dụng riêng, Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài	Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam
Tổng cộng		3.086,4					

(*) Địa chỉ mới cập nhật theo Nghị quyết 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Đà Nẵng năm 2025

Hiện nay, QCC chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất A7-63, A7-65, A7-66 thuộc Dự án Khu dân cư Sơn Xuyên, phường Điện Bàn, Thành phố Đà Nẵng. Đối với thửa đất A7-63, QCC đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3011/2022/HĐCN/QTC ngày 30/11/2022 và sẽ hoàn tất chuyển nhượng sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất A7-63.

(Nguồn: QCC)

10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025

10.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	KH Năm 2025	
			Giá trị	% tăng giảm so với 2024
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	27,54	35,4	28,53%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,85	1,15	35,36%
Tỷ lệ LNST/Tổng Doanh thu	%	3,09	3,24	0,15%
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	%	3,98	7,1	3,12%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (% VDL)	%	5	7	2%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của QCC

10.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, với nguồn vốn việc trúng thầu cuối năm 2024 và chuyển tiếp sang năm 2025, Công ty tập trung thực thi những giải pháp quản lý, điều hành, triển khai công tác tổ chức quản lý thi công có năng suất và hiệu quả cao hơn tận dụng tối đa các cơ hội trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trên yêu cầu thận trọng, đặc biệt là đảm bảo an toàn tài chính trong giai đoạn tình hình kinh tế có xu hướng diễn biến phức tạp như hiện nay.

➤ Kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh, dịch vụ:

- Tiếp tục duy trì khách hàng lớn và truyền thống trong thời gian qua là các viễn thông tỉnh, thành khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Ngoài ra, mở rộng phạm vi đối tượng khách hàng là các đơn vị lớn trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi, ... thông qua công tác đấu thầu;
- Tích cực tìm hiểu và bám sát nhu cầu đối với việc đầu tư mới của các khách hàng để cung cấp trực tiếp sản phẩm dịch vụ của Công ty.

➤ Các biện pháp thực hiện mục tiêu năm 2025:

- Tập trung đầu tư cho thị trường công nghệ thông tin, nhằm tăng doanh thu CNTT trong năm 2025 và các năm tiếp theo;
- Tăng cường công tác quan hệ với các chủ đầu tư, tìm kiếm và tham gia trong công tác đấu thầu các công trình;
- Nghiên cứu tổ chức lại bộ máy quản lý cho từng bộ phận chức năng trực thuộc, nhằm phát huy hết công suất sản xuất và năng suất lao động.
- Đánh giá lại năng lực cán bộ, nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận cho Công ty;
- Nâng cao năng lực phân tích tài chính, làm cơ sở cho các quyết định đầu tư chính xác, quản lý chặt chẽ chi phí giá vốn các công trình nhằm đem lại hiệu quả cao nhất;

- Kiểm tra, điều chỉnh và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch chi phí cho toàn Công ty;
- Chủ động cân đối về tài chính, thực hiện tốt các biện pháp nâng cao công tác quản lý tài chính để đảm bảo đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Không có

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng

490.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 32,67% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)

4. Giá khởi điểm đấu giá

26.123 đồng/cổ phần

5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm

Mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần của VNPT sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông được tính dựa trên các căn cứ sau:

- Căn cứ theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

- Báo cáo tư vấn giá khởi điểm chào bán phần vốn góp số 270525.003/BCTV.TĐG ngày 27/05/2025 và Chứng thư thẩm định giá số 014/2025/2705.001.TĐG ngày 27/05/2025 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành;

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, Hội đồng thành viên VNPT đã ban hành Quyết định số 49/VNPT-HĐTV-KTTC ngày 10/06/2025 về việc phê duyệt giá khởi điểm chào bán cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông, theo đó giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông là 26.123 đồng/cổ phần.

6. Phương thức chuyển nhượng vốn

Bán đấu giá công khai thông thường

7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888

Fax: (84.24) 3818 1688

8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn theo phương thức đấu giá công khai

Dự kiến Quý III/2025

9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến

Được quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội ban hành.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

QCC đã thực hiện thông báo tới UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty tại Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa ngày 26/05/2025, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại QCC là **0% vốn điều lệ** (Mã ngành 6312, 4651, 4652 và 4659 của QCC quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%).

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn

Không có.

12. Các loại thuế có liên quan:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, VNPT đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

Trong trường hợp nhà đầu tư cá nhân tham gia mua cổ phần chào bán của VNPT sau đó chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định hiện hành.

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:

➤ **Hồ sơ bán đấu giá:**

- Quyết định số ...63../VNPT-HĐT-V-KTTC ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên VNPT về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (Công ty QTC).
- Bản Công bố thông tin về việc chuyển nhượng vốn theo mẫu quy định số 140/2020/ND-CP ngày 30/11/2020;
- Tài liệu chứng minh VNPT có sở cổ phần bán đấu giá là chủ sở hữu hợp pháp của sở cổ phần đăng ký bán;
- Quy chế bán đấu giá cổ phần;
- Các tài liệu khác có liên quan.

➤ **Phương tiện, địa điểm công bố thông tin:**

- Bộ hồ sơ bán đấu giá được công khai cho nhà đầu tư trước ngày tổ chức phiên bán đấu giá tối thiểu 20 (hai mươi) ngày tại:
 - ✓ 03 (Ba) số báo liên tiếp của một tờ báo phát hành trong toàn quốc và một tờ báo địa phương nơi Chủ sở hữu và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông có trụ sở chính.
 - ✓ Website của VNPT, QCC, SHS và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là cổ đông nắm giữ 490.000 cổ phần, tương ứng với 32,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

Việc chuyển nhượng vốn của VNPT đầu tư tại QCC nhằm thực hiện Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 10/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 và Văn bản số 1944/UBQLV-CNHT ngày 28/8/2024 của Ủy Ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thoái vốn tại 24 doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn đã được phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-TTg.

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức tư vấn và bán đấu giá cổ phần

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

2. Tổ chức thẩm định giá

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

3. **Tổ chức kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam

Địa chỉ: Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 363 3333 Fax: (84.236) 363 3338

Website: www.ecovis.com.vn

VIII. **BẢO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Các thông tin liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông được cung cấp bởi những cá nhân có đầy đủ thẩm quyền của Công ty.

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của QCC trước khi đăng ký mua cổ phần. Bản công bố thông tin này không đảm bảo rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về QCC và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần QCC.

Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá công khai cần phải tìm hiểu thông tin về QCC và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. VNPT, QCC, SHS và các công ty con, công ty liên kết (nếu có), nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG,
TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN CỦA VNPT VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2025

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU CỔ PHẦN CHUYÊN NHƯỢNG

TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



TÔ DŨNG THÁI

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN CỦA VNPT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HOÀI THANH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHÍ THÀNH

Số: 256-2025/QĐ-TGD

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần
của Công ty Cổ phần (CTCP) Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông
do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) sở hữu**

TỔNG GIÁM ĐỐC CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 8/7/2025 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của VNPT tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 18/7/2025 giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Công ty Cổ phần (CTCP) Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bán đấu giá cổ phần của CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định này do Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội quyết định.

Điều 3. Các đơn vị thuộc CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông;
- Lưu VT, TT.TVTT VCSH.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Chí Thành

QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN
CỦA CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG
DO TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM SỞ HỮU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 256-2025/QĐ-TGD ngày 21/7/2025
của Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với hình thức đấu giá để chuyển nhượng vốn cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông được thực hiện tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

Điều 2. Một số từ ngữ áp dụng tại Quy chế này theo quy định sau

1. *Bán đấu giá công khai* là việc bán đấu giá cổ phần công khai thông thường cho các đối tượng có sự cạnh tranh về giá.

2. *Nhà đầu tư mua cổ phần (gọi tắt là nhà đầu tư)* là tổ chức, cá nhân trong nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần tại các công ty cổ phần theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. *Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng* là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

4. *Doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng* là CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

5. *Tổ chức bán đấu giá* là CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

6. *Tổ chức tư vấn bán đấu giá* là CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

7. *Hội đồng bán đấu giá* là tổ chức được thành lập để chỉ đạo việc thực hiện đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện chủ sở hữu vốn chuyển nhượng; đại diện Tổ chức bán đấu giá; đại diện Tổ chức tư vấn bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá là người đại diện của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, thay mặt Hội đồng bán đấu giá ký các văn bản thuộc thẩm quyền.

8. *Mệnh giá cổ phần* là 10.000 đồng

9. *Giá khởi điểm một cổ phần*: 26.123 đồng (mức giá khởi điểm này do chủ sở hữu vốn chuyển nhượng quyết định).

10. *Bước giá* là khoảng cách giữa các giá đặt mua liên tiếp tính từ giá khởi điểm.

11. *Bước khối lượng* là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp tính từ khối lượng cổ phần được đăng ký mua tối thiểu.

12. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá.

13. *Tiền đặt cọc* là một khoản tiền của nhà đầu tư tham gia đấu giá ứng trước để đảm bảo quyền mua cổ phần, bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bằng đồng Việt Nam.

14. *Cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá* bao gồm:

a) Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá nhưng từ chối mua;

b) Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá đã được duyệt.

15. Các trường hợp bán đấu giá không thành công bao gồm:

- a) Khi hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá;
- b) Sau khi nộp tiền đặt cọc, đến hết thời hạn nộp phiếu tham dự đấu giá không có nhà đầu tư nào nộp phiếu tham dự;
- c) Không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá hoặc giá nhà đầu tư trả cao nhất thấp hơn giá khởi điểm;
- d) Chỉ có một hoặc tất cả các nhà đầu tư trúng giá nhưng từ chối mua;
- đ) Tất cả các nhà đầu tư vi phạm quy định của quy chế đấu giá.

16. Ngày kết thúc cuộc đấu giá là ngày thực hiện đầy đủ các bước công việc có liên quan đến phiên tổ chức đấu giá và xác định được kết quả đấu giá.

17. Ngày kết thúc việc bán cổ phần là ngày cuối cùng nhà đầu tư thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo thông báo của Tổ chức bán đấu giá.

18. Ngày công bố kết quả đấu giá là ngày thông tin về kết quả cuộc đấu giá được công bố tại một trong các địa điểm theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

- 1. Gửi văn bản đề nghị kèm theo đầy đủ hồ sơ liên quan đến bán đấu giá phần vốn cần chuyển nhượng cho Tổ chức bán đấu giá;
- 2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá, đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần theo Quy chế này và các quy định hiện hành;
- 3. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến bán đấu giá cổ phần. Phối hợp với doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng để hoàn thiện và chịu trách nhiệm cung cấp cho Tổ chức bán đấu giá thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp trên cơ sở thông tin do doanh nghiệp cung cấp trước khi tiến hành đấu giá theo Quy chế này. Trường hợp chủ sở hữu vốn chuyển nhượng ủy quyền cho tổ chức tư vấn soạn thảo bản công bố thông tin thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của bản công bố thông tin trên cơ sở thông tin do doanh nghiệp và chủ sở hữu vốn chuyển nhượng cung cấp;
- 4. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá công bố công khai cho các nhà đầu tư các thông tin liên quan đến doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng và cuộc đấu giá theo các quy định tại Quy chế này;
- 5. Thông báo cho Tổ chức bán đấu giá về tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng vốn;
- 6. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá thuyết trình các thông tin về doanh nghiệp có vốn cần chuyển nhượng cho các nhà đầu tư (nếu cần);
- 7. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;
- 8. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Quy chế này;
- 9. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá công bố kết quả đấu giá và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng giá theo Quy chế này;
- 10. Tổng hợp, báo cáo kết quả đấu giá gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định;
- 11. Hỗ trợ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho các nhà đầu tư trúng giá.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá

1. Tổ chức chỉ đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động đấu giá theo quy định tại Quy chế này;
2. Kiểm tra tính hợp lệ của các hòm phiếu và Phiếu tham dự đấu giá;
3. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;
4. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức bán đấu giá

1. Tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến việc đấu giá do chủ sở hữu vốn chuyển nhượng cung cấp theo quy định;
2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá;
3. Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá, ban hành và công bố Quy chế bán đấu giá;
4. Thông báo với chủ sở hữu vốn chuyển nhượng về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá và công bố thông tin liên quan đến phiên đấu giá theo Quy chế này;
5. Tổ chức bán đấu giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực thông tin và số liệu liên quan đến cuộc đấu giá mà chủ sở hữu vốn chuyển nhượng đã cung cấp và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật nếu công bố thông tin không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng cung cấp;
6. Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này và các vấn đề khác liên quan đến việc đấu giá thuộc trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức bán đấu giá;
7. Tổng hợp số lượng đăng ký sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại nơi đấu giá và trên các phương tiện thông tin của Tổ chức bán đấu giá về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến Tổ chức bán đấu giá;
8. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;
9. Tổ chức bán đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;
10. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo quy định tại Quy chế này;
11. Phối hợp với chủ sở hữu vốn chuyển nhượng công bố kết quả đấu giá, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng giá theo Quy chế này và thu tiền mua cổ phần của nhà đầu tư trúng giá;
12. Chuyển tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế bán đấu giá) và tiền thu từ chuyển nhượng vốn về tài khoản của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng theo quy định;
13. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho chủ sở hữu vốn chuyển nhượng trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư;
14. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến bán đấu giá.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền lợi của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng và cuộc đấu giá theo quy định;
2. Gửi Đơn đăng ký tham gia đấu giá cho Tổ chức bán đấu giá theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy chế này;
3. Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn tại công ty cổ phần; các quy định pháp luật về chứng khoán và pháp luật khác có liên quan;

4. Nhà đầu tư trong nước phải có tài khoản giao dịch chứng khoán khi đăng ký tham gia đấu giá (áp dụng đối với trường hợp đấu giá cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);

5. Nộp tiền đặt cọc theo quy định tại Quy chế này (bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm theo quy định);

6. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;

7. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định;

8. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng giá;

9. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Công bố thông tin

1. Tổ chức bán đấu giá chủ trì phối hợp với chủ sở hữu vốn chuyển nhượng công bố thông tin về việc đấu giá theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày thực hiện đấu giá. Việc thông báo được tổ chức thực hiện trên các phương tiện sau đây:

a) Ba (03) số báo liên tiếp của các báo: Công Thương; Kinh tế & Đô thị, Đà Nẵng;

b) Website: www.shs.com.vn; www.vnpt.com.vn; www.qtc.vn.

2. Tổ chức bán đấu giá chủ trì phối hợp với chủ sở hữu vốn chuyển nhượng công bố thông tin về hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày thực hiện đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin

- Quyết định số 63/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 8/7/2025 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông;

- Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP;

- Tài liệu chứng minh chủ sở hữu vốn chuyển nhượng là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần đăng ký bán;

- Quy chế bán đấu giá cổ phần;

- Các tài liệu khác (nếu có).

b) Địa điểm công bố thông tin

- Tổ chức bán đấu giá: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

+ Địa chỉ: Số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

+ Website: www.shs.com.vn;

- Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

+ Địa chỉ: Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.

+ Website: www.vnpt.com.vn

- Doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng: CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông

+ Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng.

+ Website: www.qtc.vn

Điều 8. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan

1. Nhà đầu tư tham gia đấu giá bao gồm tổ chức, cá nhân trong nước đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với nhà đầu tư cá nhân: Là công dân Việt Nam, có địa chỉ liên hệ, Căn cước công dân/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Đối với nhà đầu tư tổ chức: Là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ;

c) Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam và quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

2. Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần/phần vốn góp của từng nhà đầu tư trong nước đăng ký mua.

Điều 9. Các thông tin cơ bản về phương án đấu giá

Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng phối hợp Tổ chức bán đấu giá xác định:

1. Số lượng cổ phần chào bán: 490.000 cổ phần;

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;

3. Giá khởi điểm: 26.123 đồng/cổ phần;

4. Bước giá: 100 đồng;

5. Bước khối lượng: 100 cổ phần (trừ trường hợp đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán);

6. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: 100 cổ phần;

7. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa: 490.000 cổ phần;

8. Tổng số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua tối đa: 0 cổ phần;

9. Số mức giá đặt mua: Tối đa 02 mức giá;

10. Mỗi nhà đầu tư được phát một Phiếu tham dự đấu giá và chỉ được ghi tối đa 02 (hai) mức giá đặt mua; khối lượng đặt mua của mỗi mức giá tối thiểu là 100 cổ phần và đặt theo bội số của 100 (trừ trường hợp đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán); tổng khối lượng đặt mua của các mức giá đúng bằng số cổ phần đã đăng ký;

Điều 10. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

1. Nhận đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư nhận đơn hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần tại các địa điểm và địa chỉ website nêu tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

2. Nộp tiền đặt cọc

- Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc theo Quy chế đấu giá bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Tổ chức bán đấu giá **trước 15 giờ 30 phút ngày 18/8/2025**;

- Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi.

3. Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình các giấy tờ sau:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước

- Căn cước công dân/hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Quy chế này và xuất trình căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;

- Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Quy chế này (trừ trường hợp người làm thủ tục là người đại diện theo pháp luật của tổ chức), kèm theo xuất trình chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người làm thủ tục;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký và đặt cọc: **Từ ngày 22/7/2025 đến 15 giờ 30 phút ngày 18/8/2025**

(Sáng từ 8h30 - 12h00; chiều từ 13h00 – 17h30 các ngày làm việc)

b) Địa điểm làm thủ tục đăng ký, đặt cọc: Trụ sở chính và các chi nhánh của Tổ chức bán đấu giá (theo Phụ lục 06 kèm theo Quy chế này);

c) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy chế này.

5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá gửi Địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc nơi nhà đầu tư đăng ký mua theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Quy chế này.

Điều 11. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Tổ chức bán đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xóa hoặc rách nát; giá đặt mua là giá trên 01 cổ phần, không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định, nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị; tổng số cổ phần đặt mua không được vượt quá số lượng cổ phần đã đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì dán kín có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc: **Chậm nhất 16 giờ 00 phút ngày 20/8/2025;**

- Gửi bằng phương thức bảo đảm đến Địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc: **Chậm nhất 16 giờ 00 phút ngày 20/8/2025;**

- Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Tổ chức bán đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa, nhà đầu tư phải yêu cầu Tổ chức bán đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

3. Trường hợp mất Phiếu tham dự đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Phụ lục số 05 kèm theo Quy chế này đề nghị Tổ chức bán đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua phần vốn chuyển nhượng cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 12. Địa điểm và thời gian Tổ chức bán đấu giá

1. Địa điểm Tổ chức bán đấu giá:

CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

2. Thời gian Tổ chức bán đấu giá: **09 giờ 00 phút ngày 22/8/2025;**

3. Địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc có trách nhiệm kết thúc nhận Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư trước **16 giờ 00 phút ngày 20/8/2025.**

4. Địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc chuyển hòm Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư về Trụ sở chính của Tổ chức bán đấu giá **trước 16 giờ 00 phút ngày 21/8/2025.**

Điều 13. Xem xét điều kiện tổ chức đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Tổ chức bán đấu giá sẽ kiểm tra và xác định rõ:

- a) Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;
- b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá;

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất 02 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự cuộc đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 14. Thực hiện đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu tham dự đấu giá, đại diện Hội đồng bán đấu giá hoặc người được ủy quyền công bố những thông tin chủ yếu như:

- a) Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, tên doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng, vốn điều lệ, số lượng cổ phần chào bán, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;
- b) Số phiếu tham dự đấu giá nhận được;
- c) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định kết quả đấu giá;
- d) Giải thích về những vấn đề mà người đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập phiếu tham dự đấu giá

Đến thời điểm đấu giá, Tổ chức bán đấu giá nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư vào hệ thống;

3. Xác định kết quả chào bán

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại tiết c điểm 3 khoản 13 và tiết c điểm 3 khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như sau:

- Kết quả trúng đấu giá được xác định theo nguyên tắc lựa chọn giá đặt mua hợp lệ từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

- Trường hợp tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, có nhiều nhà đầu tư cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định theo công thức sau:

$$\text{Số cổ phần nhà đầu tư được mua} = \text{Số cổ phần còn lại chào bán} \times \frac{\text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua giá bằng nhau}}{\text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua giá bằng nhau}}$$

- Trường hợp phát sinh cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

Ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả bán đấu giá, Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá; các thành viên trong Hội đồng bán đấu giá đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

Điều 15. Xác định giá thanh toán cổ phần

1. Giá thanh toán là giá trúng đấu giá của từng nhà đầu tư được xác định tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này.

2. Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng phải công khai thông tin về giá thanh toán cho các nhà đầu tư biết và thực hiện.

Điều 16. Thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư

1. Trong thời gian tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản xác định kết quả đấu giá, Tổ chức bán đấu giá phối hợp chủ sở hữu vốn chuyển nhượng công bố kết quả đấu giá cổ phần tại địa điểm đấu giá, trên trang thông tin điện tử của Tổ chức bán đấu giá và chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.

2. Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm thông báo kết quả đấu giá đến từng nhà đầu tư:

Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá cho nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

Nhà đầu tư nhận kết quả trực tiếp tại địa điểm đăng ký đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư đăng ký nhận kết quả qua đường bưu điện, Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá cho nhà đầu tư theo phương thức đảm bảo chậm nhất trong ngày làm việc tiếp theo ngày công bố kết quả đấu giá.

Điều 17. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức bán đấu giá công bố, nhà đầu tư trúng giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần **từ ngày 22/8 đến ngày 28/8/2025**. Thời gian thanh toán được tính là thời điểm Tổ chức bán đấu giá (nơi nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký) nhận được tiền.

Nhà đầu tư trúng giá được trừ số tiền đã đặt cọc để xác định số tiền còn phải thanh toán.

2. Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần

a) Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp vào tài khoản của Tổ chức bán đấu giá nơi nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký;

b) Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm tổng hợp và chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần về tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng vốn trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần;

c) Trường hợp Tổ chức bán đấu giá chậm chuyển tiền thu được từ đấu giá theo quy định thì phải trả lãi theo quy định.

Điều 18. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế đấu giá và nhà đầu tư không được nhận

lại tiền đặt cọc:

- a) Không nộp phiếu tham dự đấu giá;
- b) Phiếu tham dự đấu giá không đúng quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 11 của Quy chế này;
- c) Không ghi giá và khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- d) Đăng ký nhưng không đặt mua (toàn bộ hoặc một phần số cổ phần), nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần không đặt mua;
- đ) Không thanh toán tiền mua cho toàn bộ số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá trong đúng thời gian quy định tại Quy chế này, nhà đầu tư sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần trong số cổ phần đã trúng đấu giá thì số cổ phần thanh toán của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá có trách nhiệm xem xét xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 19. Xử lý số cổ phần không bán hết hoặc bán đấu giá không thành công

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc bán đấu giá không thành công hoặc số lượng cổ phần không bán hết, Tổ chức bán đấu giá thông báo kết quả cho chủ sở hữu vốn chuyển nhượng để xử lý theo quy định.

Điều 20. Xử lý tiền đặt cọc

1. Từ ngày 25/8/2025 đến ngày 28/8/2025, Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc của nhà đầu tư có tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần.

2. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá, khoản tiền đặt cọc được bù trừ vào tổng số tiền thanh toán mua cổ phần. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Tổ chức bán đấu giá trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn từ chối mua cổ phần.

3. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn lại do nhà đầu tư vi phạm quy định tại Điều 18 Quy chế này, Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm chuyển về tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng để xử lý theo quy định.

Điều 21. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư (nếu có) về trình tự, thủ tục đấu giá phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Hội đồng bán đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Tổ chức bán đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do chủ sở hữu vốn chuyển nhượng đã cung cấp./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chí Thành

Phụ lục số 01 - Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 202...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Tên tổ chức, cá nhân tham gia:

Quốc tịch:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Số CCCD/Hộ chiếu

/Số ĐKDN (đối với tổ chức):

Cấp ngày:

Cấp tại:

Tên người được ủy quyền hoặc đại diện (nếu có): Số CCCD/Hộ chiếu

Số tài khoản ngân hàng:

Chủ tài khoản:

Mở tại:

(Số tài khoản này sẽ được dùng để chuyển trả tiền đặt cọc cho NĐT trong trường hợp không trúng giá)

Số tài khoản giao dịch chứng khoán: Mở tại công ty chứng khoán:

(Số tài khoản này dùng để lưu ký chứng khoán trong trường hợp NĐT trúng đấu giá và đã thanh toán tiền)

Số cổ phần đăng ký mua:

Bằng chữ:

Tổng số tiền đã đặt cọc:

Bằng chữ:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đấu giá cổ phần của

Tôi/chúng tôi tự nguyện tham dự cuộc đấu giá do CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tổ chức và cam kết thực hiện nghiêm túc quy định về đấu giá.

Nếu vi phạm, tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Cách thức nhận thông báo kết quả đấu giá:

☐

Nhận trực tiếp tại Địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc.

☐

Nhận qua đường bưu điện tại địa chỉ liên hệ nêu ở trên.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VIẾT ĐƠN

Chữ ký, họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Phụ lục số 02 - Phiếu tham dự đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm 20....

Mã số:..... (Do Hội đồng bán đấu giá cấp)

PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Tên tổ chức hoặc cá nhân:.....

Số ĐKDN/CCCD/Hộ chiếu..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Số tài khoản ngân hàng:..... Mở tại.....

Số cổ phần đăng ký mua:.....

Giá khởi điểm:.....

Ngày tổ chức đấu giá :.....

Số tiền đặt cọc đã nộp:..... (Bằng chữ:.....)

Ngày thanh toán:.....

Ngày hoàn trả tiền đặt cọc:.....

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ và Quy chế bán đấu giá cổ phần của..., tôi/chúng tôi đồng ý mua số cổ phần đã đăng ký với mức giá như sau:

STT lệnh	Mức giá đặt mua (đồng/cổ phần)		Khối lượng cổ phần đặt mua
	Bảng số	Bảng chữ	
1			
2			
Tổng số:			

TÊN CÁ NHÂN, TÊN TỔ CHỨC THAM GIA
ĐẤU GIÁ

Ký, họ và tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Phụ lục số 03 - Giấy ủy quyền
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm 20....

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Hội đồng bán đấu giá cổ phần

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Số ĐKDN/CCCD/Hộ chiếu..... Ngày cấp..... Nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Tên người đại diện theo pháp luật (đối với nhà đầu tư tổ chức):

Số CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Do không có điều kiện tham dự trực tiếp đấu giá cổ phần của (tên Công ty cổ phần) tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được tổ chức vào ngày...., nay tôi/chúng tôi:

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà):.....

Số CCCD/Hộ chiếu..... Ngày cấp..... Nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Thay mặt tôi tham dự đấu giá cổ phần của... (tên Công ty cổ phần), bao gồm các công việc sau:

1. Làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá (điền thông tin và ký nhận vào Đơn đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá).
2. Ghi giá, khối lượng đặt mua, ký nhận vào Phiếu tham dự đấu giá, nộp phiếu và trực tiếp tham gia phiên đấu giá.

Ông (Bà)..... có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về đấu giá của..... (tên Công ty cổ phần), không được ủy quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả đấu giá cho người ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên và đóng dấu (đối với tổ chức))

XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG, XÃ HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
CÓ THẨM QUYỀN

(trường hợp người ủy quyền là cá nhân)

Phụ lục số 04 - Đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Kính gửi: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Số ĐKDN/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tôi/chúng tôi đã thực hiện đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Công ty..... tại.....

Nay tôi/chúng tôi đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Công ty..... với lý do:.....

Tôi/chúng tôi xin chân thành cảm ơn./.

TÊN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

Phụ lục số 05 - Đơn đề nghị cấp lại phiếu tham dự đấu giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Tên tổ chức/cá nhân:

Số CCCD/Hộ chiếu/Số ĐKDN:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Mã số nhà đầu tư

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Số tài khoản:..... Mở tại.....

Ngày....., tôi/chúng tôi đã nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá cổ phần..... (tên Công ty cổ phần) tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội;

Và đã đặt cọc số tiền:.....(Viết bằng chữ.....),

tương đương 10% giá trị đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

Nay tôi/chúng tôi đề nghị được cấp lại Phiếu tham dự đấu giá, lý do:

- ☐ Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa,... (đính kèm theo đơn này)
- ☐ Mất Phiếu tham dự đã cấp

Nếu có tranh chấp xảy ra liên quan đến Phiếu tham dự đấu giá của tôi/chúng tôi thì tôi/chúng tôi sẽ có trách nhiệm chứng minh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Tôi/chúng tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật.

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

Phần dành cho Tổ chức bán đấu giá:

Xác nhận đã nhận Đơn đề nghị của nhà đầu tư:.....

Số CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN..... vào lúc..... giờ..... ngày.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 06 – Danh sách Địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc

TAI HÀ NỘI:

(1) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38181888

Fax: 024.38181688

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1001085159 của CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh SHB Đông Đô;

TAI TP HỒ CHÍ MINH:

(1) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, số 235 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.39151368

Fax: 028.39151369

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1000007367 của Chi nhánh Hồ Chí Minh - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh SHB Hồ Chí Minh;

TAI ĐÀ NẴNG:

(1) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3525777

Fax: (0236) 3525779

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 101.107.5764 của Chi nhánh Đà Nẵng - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – chi nhánh SHB Đà Nẵng;

Số: **63** /QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC

Hà Nội, ngày **08** tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (Công ty QTC)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (Nghị định 91/2015);

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (Nghị định 32/2018);

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (Nghị định 140/2020);

Căn cứ Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2015; Nghị định 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ (Thông tư 36/2021/TT-BTC);



Căn cứ Thông tư 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính (Thông tư 16/2023/TT-BTC);

Căn cứ Văn bản số 1944/UBQLV-CNHT ngày 28/8/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thoái vốn tại 24 doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn đã được phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-TTg;

Căn cứ Văn bản số 296/VNPT-HĐTV-TCCL ngày 25/9/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn về việc triển khai công tác thoái vốn tại 24 doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, thuộc danh mục thoái vốn được phê duyệt theo QĐ 620;

Căn cứ Thông báo ngày 26/5/2025 của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-VNPT-KTTC ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Tập đoàn về việc thành lập Tổ công tác xác định giá khởi điểm để thoái vốn;

Căn cứ Báo cáo tư vấn giá khởi điểm chào bán phần vốn góp số 270525.003/BCTV.TĐG ngày 27/5/2025, Chứng thư thẩm định giá số 014/2025/2705.001.TĐG ngày 27/5/2025 và báo cáo thẩm định giá số 270525.002/BCTĐ.TĐG ngày 27/5/2025 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 10/6/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn về việc xác định giá khởi điểm chuyển nhượng cổ phần do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (Công ty QTC) (theo giá trị Công ty QTC tại thời điểm 31/12/2024);

Căn cứ Phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”) xây dựng gửi kèm theo văn bản số 899-2025/CV-SHS ngày 17/6/2025 của SHS;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn tại Tờ trình số 4881/TTr-VNPT-KTTC ngày 18/6/2025 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (Công ty QTC);

Căn cứ ý kiến của các Thành viên Hội đồng thành viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty QTC với các nội dung chủ yếu được chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Thời gian triển khai thực hiện và hoàn thành các nội dung liên quan đến chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty

QTC: Trước ngày 27/11/2025 (đảm bảo thời hạn sử dụng kết quả thẩm định giá trong vòng 06 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư thẩm định giá).

Điều 3. Giao Tổng Giám đốc Tập đoàn triển khai các thủ tục, công việc cần thiết phục vụ việc chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn tại Công ty QTC theo Phương án đã phê duyệt và các quy định của pháp luật. Người được ủy quyền quản lý phần vốn của Tập đoàn tại Công ty QTC và Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty QTC có trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn tại Công ty QTC theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trong quá trình triển khai thực hiện, cho phép Tổng Giám đốc Tập đoàn được ủy quyền lại cho các Phó Tổng Giám đốc thực hiện các công việc được giao nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Tổng Giám đốc Tập đoàn, các Ban chức năng thuộc Tập đoàn, Người được ủy quyền quản lý phần vốn của Tập đoàn tại Công ty QTC và Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty QTC, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch HĐQT;
- Các Thành viên HĐQT;
- Các PTGD Tập đoàn;
- Ban Kiểm soát VNPT
- Các Ban: TCCL; KSNB; KTTC, KHĐT (đề t/h)
- Lưu: VT, HĐQT, KTTC.LHN

Số eoffice: 415373 - VBG

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Tô Dũng Thái

378-C
DOANH
CHỨC
THƯỜNG
VIÊN
TẬP ĐOÀN

PHỤ LỤC

Phương án chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty QTC được ban hành kèm theo Quyết định số .6.3.../QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 08/7/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (“VNPT”)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (Nghị định 91/2015);
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (Nghị định 32/2018);
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (Nghị định 140/2020);
- Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.
- Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ (Thông tư 36/2021/TT-BTC);
- Thông tư 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính (Thông tư 16/2023/TT-BTC);
- Văn bản số 1944/UBQLV-CNHT ngày 28/8/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thoái vốn tại 24 doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn đã được phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-TTg;



- Văn bản số 296/VNPT-HĐTV-TCCL ngày 25/9/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn về việc triển khai công tác thoái vốn tại 24 doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, thuộc danh mục thoái vốn được phê duyệt theo QĐ 620;

- Thông báo ngày 26/5/2025 của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0% vốn điều lệ;

- Quyết định số 1151/QĐ-VNPT-KTTC ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Tập đoàn về việc thành lập Tổ công tác xác định giá khởi điểm để thoái vốn;

- Báo cáo tư vấn giá khởi điểm chào bán phần vốn góp số 270525.003/BCTV.TĐG ngày 27/5/2025, Chứng thư thẩm định giá số 014/2025/2705.001.TĐG ngày 27/5/2025 và báo cáo thẩm định giá số 270525.002/BCTĐ.TĐG ngày 27/5/2025 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Quyết định số 49/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 10/6/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn về việc xác định giá khởi điểm chuyển nhượng cổ phần do Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (Công ty QTC) (theo giá trị Công ty QTC tại thời điểm 31/12/2024);

- Phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”) xây dựng gửi kèm theo văn bản số 899-2025/CV-SHS ngày 17/6/2025 của SHS;

2. Mục đích của việc chuyển nhượng cổ phần

Việc chuyển nhượng vốn của VNPT đầu tư tại Công ty QTC nhằm thực hiện Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 10/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bru chính viễn thông Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 và Văn bản số 1944/UBQLV-CNHT ngày 28/8/2024 của Ủy Ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thoái vốn tại 24 doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn đã được phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-TTg.

3. Tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam đầu tư tại Công ty QTC

3.1. Tình hình đầu tư vốn

Tính đến thời điểm lập Phương án chuyển nhượng vốn (tháng 06/2025), tình hình đầu tư vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông như sau:

- Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty QTC: 490.000 cổ phần.
- Tổng giá trị cổ phần nắm giữ theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần): 4.900.000.000 đồng.
- Giá trị khoản đầu tư vào Công ty QTC ghi trên sổ sách của VNPT tại 31/12/2024: 6.350.000.000 đồng.
- Giá trị trích lập dự phòng của VNPT đến ngày 31/12/2024: 2.070.666.667 đồng

3.2. Lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng cổ phần

Nếu chuyển nhượng thành công toàn bộ số cổ phần của VNPT tại Công ty QTC, VNPT sẽ nhận được dòng tiền có giá trị tối thiểu bằng **12.800.270.000 đồng** tính theo giá khởi điểm nêu tại mục 5.2 dưới đây.

Sau khi chuyển nhượng vốn, VNPT sẽ không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty QTC và hoàn thành việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty QTC theo Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 đã được phê duyệt. Việc chuyển nhượng cổ phần tương ứng với 32,67% vốn điều lệ của Công ty QTC tạo ra cơ hội lớn cho các nhà đầu tư trên thị trường có ý định đầu tư vào ngành nghề sản xuất, kinh doanh của Công ty QTC tham gia vào việc quản trị doanh nghiệp, đưa ra các định hướng phát triển mới và phù hợp với quy mô phát triển chung của thị trường trong và ngoài nước. Đây cũng là cơ hội đối với Công ty QTC để đổi mới phương thức hoạt động, chuyển mình phù hợp với xu thế phát triển của ngành

4. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty QTC, nhu cầu thị trường đầu tư vốn vào Công ty QTC

4.1. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty QTC

- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I	Tài sản	32.157.638.790	100,00%	26.842.481.932	100,00%
1	Tài sản ngắn hạn	30.891.025.692	96,06%	25.700.102.020	95,74%
2	Tài sản dài hạn	1.266.613.098	3,94%	1.142.379.912	4,26%
II	Nguồn vốn	32.157.638.790	100,00%	26.842.481.932	100,00%
1	Nợ phải trả	10.511.438.011	32,69%	5.927.289.723	22,08%
2	Vốn chủ sở hữu	21.646.200.779	67,31%	20.915.192.209	77,92%

Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty QTC

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	32.157.638.790	26.842.481.932	-16,53%
2	Doanh thu thuần	57.726.982.764	27.319.297.780	-52,67%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	2.630.769.429	1.098.666.873	-58,24%
4	Lợi nhuận khác	(243.947.785)	(31.149.541)	-87,23%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.386.821.644	1.067.517.332	-55,27%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.578.349.167	847.340.597	-46,31%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	84,25%	78,46%	-5,79%

Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty QTC, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, 2025 của Công ty QTC

4.2. Nhu cầu thị trường đầu tư vốn vào Công ty QTC

Với triển vọng phát triển thị trường viễn thông, Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông hứa hẹn có nhiều tiềm năng để tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

Hiện tại, VNPT đang sở hữu 32,67% vốn điều lệ tại Công ty QTC. Do đó, việc VNPT chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty QTC sẽ tạo cơ hội cho các nhà đầu tư mới tham gia nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông lớn của công ty, tham gia vào việc quản trị Công ty. Bên cạnh đó, các cổ đông hiện hữu có thể sẽ tham gia mua cổ phần để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty QTC.

Chính vì vậy, việc VNPT chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp sở hữu tại Công ty QTC được đánh giá sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư.

5. Phương án chuyển nhượng cổ phần của VNPT tại Công ty QTC

5.1. Phương thức chuyển nhượng vốn

Tên cổ phần chào bán	: Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (Mã chứng khoán QCC - Upcom);
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông;
Số lượng cổ phần chào bán	: 490.000 cổ phần, tương ứng 100% vốn góp của VNPT tại Công ty QTC;
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá	4.900.000.000 đồng
Phương thức chào bán	: Bán đấu giá công khai thông thường

Việc chuyển nhượng vốn của VNPT tại Công ty QTC thực hiện theo trình tự sau: Bán đấu giá công khai, trường hợp bán đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận

5.2. Giá khởi điểm chào bán

Giá khởi điểm một cổ phần: **26.123 đồng/ cổ phần.**

5.3. Xử lý trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán

Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán thì thực hiện chào bán cạnh tranh. Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công (áp dụng trong trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định) thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

5.4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty QTC là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).



5.5. Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua

Công ty QTC đã thực hiện thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty tại Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa ngày 26/05/2025, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty QTC là 0% vốn điều lệ (Mã ngành 6312, 4651, 4652 và 4659 của Công ty QTC quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%).

Nhà đầu tư nước ngoài không được phép đăng ký mua cổ phần Công ty QTC do VNPT chào bán

5.6. Kế hoạch thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn:

- Dự kiến thời gian hoàn thành việc chuyển nhượng vốn: Trước ngày 27/11/2025 (Đảm bảo thời hạn sử dụng kết quả thẩm định giá trong vòng 06 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư thẩm định giá);

- Dự kiến lộ trình thực hiện:

Stt	Các bước thực hiện	Thời gian	Thực hiện
1	Hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng vốn và các bên ký ban hành	T	SHS, VNPT
2	Nộp hồ sơ bán đấu giá cho SHS	T+1	VNPT
3	Thông nhất lộ trình, Quy chế bán đấu giá với SHS	T+2	VNPT, SHS
3	Công bố thông tin về đợt bán đấu giá cổ phần theo quy định	T+5	SHS, VNPT
4	Thực hiện thủ tục công bố thông tin giao dịch của người có liên quan đến người nội bộ (nếu có)	Từ T+5	VNPT
5	Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần, nhận tiền đặt cọc, phát Phiếu tham dự đấu giá cho nhà đầu tư	T+6 - T+20	SHS
6	Tổng hợp kết quả tham dự đấu giá và công bố kết quả tham dự đấu giá	T+21	SHS
7	Nhận Phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư	Chậm nhất T+27	SHS
8	Tổ chức buổi bán đấu giá cổ phần	T+28	SHS
9	Tổng hợp kết quả đấu giá, gửi thông báo kết quả đấu giá cho HĐQT, công bố thông tin về kết quả đấu giá	T+29	SHS
11	Nhận tiền nộp mua cổ phần của nhà đầu tư	T+29- T+36	SHS
12	Trả lại tiền đặt cọc cho nhà đầu tư không trúng giá	T+29- T+32	SHS
13	Công bố thông tin kết quả giao dịch của người có liên quan đến người nội bộ	T+36- T+41	VNPT
14	Tổng hợp kết quả bán đấu giá cổ phần và báo cáo về đợt bán đấu giá cho VNPT, xử lý sau đấu giá (nếu có)	T+38	SHS
15	Chuyển tiền thu được từ đợt bán đấu giá cho VNPT (Nếu có)	T+40	SHS
16	Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cục Phát triển DNNN – Bộ Tài chính kết quả bán đấu giá	T+41	VNPT

Lộ trình triển khai nêu trên áp dụng cho cuộc bán đấu giá công khai. Trong trường hợp cuộc đấu giá công khai không thành công hoặc bán không hết số lượng cổ phần chào bán, VNPT sẽ triển khai các công việc tiếp theo phù hợp với quy định của pháp luật. Thời gian nêu trên là dự kiến, thời gian thực tế có thể được cập nhật, điều chỉnh theo tiến độ triển khai, các quy định pháp luật có liên quan.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0100684378

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 08 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 27 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM POSTS AND TELECOMMUNICATIONS GROUP

Tên công ty viết tắt: VNPT

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.37741091

Email: vanphong@vnpt.vn

Fax: 04.37741093

Website:

<http://www.vnpt.com.vn>

3. Vốn điều lệ : 72.237.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: BỘ TÀI CHÍNH (CƠ QUAN ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC)

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 29/2025/NĐ-CP

Ngày cấp: 24/02/2025 Nơi cấp: Chính phủ

Địa chỉ trụ sở chính: Số 28 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUỲNH QUANG LIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/10/1970 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051070000204

Ngày cấp: 26/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 27/10 Quách Văn Tuấn, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2606, Tòa P1, số 1 Châu Văn Liêm, Phường Phú Đô, Quận
Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trịnh Huy Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Số:82 / CV - QTC

V/v: *Xác nhận sở hữu cổ phần của VNPT*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 03 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: Tập đoàn Bru Chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (QCC) xin gửi tới Quý Tập đoàn lời chào trân trọng.

Bằng văn bản này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông xác nhận đến thời điểm ngày 31/05/2025, VNPT đang nắm giữ 490.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), tương ứng 32,67% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

Toàn bộ số lượng cổ phần nêu trên được phép tự do chuyển nhượng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN HOÀI THANH**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4000364082

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 01 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 21 tháng 04 năm 2016

*Thay đổi tên từ Công ty CP xây lắp và phát triển dịch vụ bưu điện Quảng Nam
ngày 21/4/2016*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN Hạ tầng Viễn thông

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSTRUCTION INVESTMENT AND
TELECOMMUNICATIONS INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam,
Việt Nam*

Điện thoại: 0510.3811811

Fax: 0510.3811999

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN HOÀI THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 201224593

Ngày cấp: 20/08/2009

Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 34 Thanh Long, Phường Thanh Bình, Quận Hải
Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 34 Thanh Long, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà
Nẵng, Việt Nam



Huỳnh Tấn Lịch



Huỳnh Thị Mỹ Nhân

Handwritten text in a rectangular box, possibly a signature or address, including the name "J. Q. ...".



Số: 582/XN-ĐKKD



11658/18

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ trụ sở: Số 2 Trần Phú, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0235 3810429

Fax:

Email: dkkdqn@gmail.com

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 4000364082

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV, hệ thống cấp điện cho các công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng. Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế công trình: hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi; Khảo sát địa chất công trình; Giám sát, khảo sát xây dựng; Thiết kế trang trí nội ngoại thất công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế công trình đường bộ, công trình xây dựng cầu, hệ thống phòng cháy, chữa cháy công trình xây dựng; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng công trình khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn; Tư vấn giám sát thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu, đường bộ, công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, công trình lắp đặt thiết bị công nghệ mạng thông tin - BCVT; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Giám sát khảo sát địa hình công trình xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn.	7110



STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng internet	6209
3	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5	Bưu chính	5310
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học	7730
8	Cổng thông tin	6312
9	Hoạt động viễn thông có dây	6110
10	Hoạt động viễn thông không dây	6120
11	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông	6190
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất	6810
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình	4290(Chính)
14	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học	7020
15	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh và các thiết bị tin học	3319
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh	4659
19	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
20	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông	2395
21	Xuất bản phần mềm	5820
22	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
23	(Doanh nghiệp hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
VIỄN THÔNG. Địa chỉ:Đường Phan Bội
Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố
Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Bùi Minh Kha.....



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Mỹ Nhân

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: **85.001**.....SCT/BS
Ngày: **16-04-2025**
CHỦ TỊCH UBND P. TÂN THẠNH



Mai Tấn Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG VIỄN THÔNG



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
& PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

(Sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/04/2021)

Tháng 04 năm 2021

82
Kế
Xây
Phát
Triển
Hạ
Tầng
Viễn
Thông
Ước

Mục lục

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1: Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	9
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
CHƯƠNG VI: CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	25
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 34. Người điều hành Công ty	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	26
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	27
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	27
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	28
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	29
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	29
Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	29
Điều 43. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	29
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	30
Điều 45. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	30
Điều 46. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	30
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	32
Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	32
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 50. Công nhân viên và công đoàn	33
Điều 51. Phân phối lợi nhuận	33
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	33
Điều 52. Tài khoản ngân hàng	33
Điều 53. Năm tài chính	34
Điều 54. Chế độ kế toán	34
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	34
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	34
Điều 56. Báo cáo thường niên	34
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	34
Điều 57. Kiểm toán	34
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	35
Điều 58. Dấu của doanh nghiệp	35

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY	35
Điều 59. Giải thể công ty	35
Điều 60. Giá hạn hoạt động	35
Điều 61. Thanh lý.....	35
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	36
Điều 63. Điều lệ công ty	36
Điều 64. Ngày hiệu lực	36

PHẦN MỞ ĐẦU

- Điều lệ này của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông(sau đây gọi là Công ty) là cơ sở pháp lý của Công ty. Công ty được tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ này được thông qua theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số:...../NQ-ĐHĐCĐ ngày.....tháng.....năm 2021;

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - p. Công ty là Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty bằng tiếng Việt :
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG
 - Tên hợp pháp của Công ty viết bằng tiếng Anh :
CONSTRUCTION INVESTMENT AND TELECOMMUNICATIONS
INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: QTC
2. Biểu tượng (Logo):



3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
4. Trụ sở đăng ký của Công ty:
Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
Số điện thoại : 0235.3811811 Fax : 0235.3811999
Email : ceo@qtc.com.vn Website : www.qtc.vn
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính- viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình.
 - Xuất bản phần mềm
 - Sản xuất thiết bị truyền thông
 - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng Internet

- Sản xuất linh kiện điện tử
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
- Bưu chính
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học.
- Công thông tin
- Hoạt động viễn thông có dây
- Hoạt động viễn thông không dây
- Hoạt động viễn thông khác
Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông
- Hoạt động tư vấn quản lý
Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Sửa chữa thiết bị khác
Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh và các thiết bị tin học
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Chi tiết: Khách sạn
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV, hệ thống cấp điện cho các công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng. Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế công trình: hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi; Khảo sát địa chất công trình; Giám sát khảo sát xây dựng; Thiết kế trang trí nội ngoại thất công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế công trình đường bộ, công trình xây dựng cầu, hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng công trình khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu, đường bộ, công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, công trình lắp đặt thiết bị công nghệ mạng thông tin-BCVT; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Giám sát khảo sát địa hình công trình xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

Không ngừng phát triển hoạt động sản xuất – kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao, tạo điều kiện ổn định việc làm và nâng cao mức thu nhập cho người lao động trong Công ty, tăng cổ tức cho các Cổ đông, làm tròn nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc điều hành.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. (Các quyền đối với các loại cổ phần khác)
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ

sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi năm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát

hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn]. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp

để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định]:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - e. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- c. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định] và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn chín (09) thành viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Đối với công ty niêm yết tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liên trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 43. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 45. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 46. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - d. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
- h. Các nội dung khác (nếu có).

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và

được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 50. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NẪM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin

khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 58. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 59. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 60. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 61. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 64 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 tại Hội trường Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Phương Thảo